

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2022.

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

UBND huyện Bù Đóp báo cáo tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

A. NỘI DUNG BÁO CÁO

I. Công tác chỉ đạo, điều hành trong triển khai thực hiện Luật THTK, CLP.

1. Về công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP:

Các Cơ quan, Ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn đã tổ chức học tập, tuyên truyền, phổ biến quán triệt một số văn bản liên quan đến công tác THTK, CLP đến từng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý nhằm tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức, có những hành động, việc làm cụ thể tạo chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính và THTK, CLP với các hình thức thích hợp và có hiệu quả.

Hàng quý, tổ chức quán triệt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cuộc họp giao ban giữa các lãnh đạo UBND huyện với Trưởng các đầu ngành cơ quan, đơn vị tham mưu giúp việc UBND huyện và lãnh đạo UBND các xã, thị trấn.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP:

Trên cơ sở chương trình của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại đơn vị mình đồng thời thực hiện báo cáo định kỳ công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo quy định.

UBND huyện tập trung chỉ đạo thực hiện, kiểm tra ngăn chặn tệ nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tăng cường thực hành tiết kiệm. Tăng cường công tác triển khai, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí đến từng cán bộ, công chức, viên chức thông qua tổ chức các hội nghị giao ban, sơ kết...

Tổ chức tốt quy chế dân chủ, thực hiện tốt công tác tiếp dân, tiếp nhận và điều tra xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức có hành vi tham nhũng, lãng phí của công.

Đẩy mạnh cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, góp phần đưa thực hành, tiết kiệm chống lãng phí dần trở thành ý thức tự giác của mỗi người.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP:

Các cơ quan, ban ngành và UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra về quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng cơ bản. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra đã kiến nghị xử lý đối với những trường hợp vi phạm và công khai kết quả kiểm tra xử lý của từng đơn vị.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

1. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

a) Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn về cơ bản tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định hành trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện đúng theo Luật NSNN và các văn bản quy định hiện hành, cụ thể:

- Thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi hoạt động thường xuyên các đơn vị, xã, thị trấn tạo nguồn cải cách tiền lương, với số tiền: 2.596 triệu đồng; trong đó: Ngân sách xã là: 730 triệu đồng, sự nghiệp y tế: 164 triệu đồng, sự nghiệp giáo dục: 1197 triệu đồng theo quy định tại Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính v/v Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

- Thực hiện chi bám sát dự toán giao, hạn chế tối đa các khoản chi phát sinh đột xuất ngoài dự toán, không bổ sung kinh phí ngoài dự toán khi chưa cân đối được ngân sách. Triệt để tiết kiệm, đặc biệt là dự toán chi xây dựng trụ sở, mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền; cắt, giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, lễ kỷ niệm, lễ khởi công, khánh thành, tổng kết và các nhiệm vụ chi chưa cần thiết khác. Đảm bảo nguồn thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành và an sinh xã hội.

- Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu mang tính chất sự nghiệp, đảm bảo các nguồn kinh phí được thực hiện đúng nội dung, đúng đối tượng.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đến tất cả các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-

CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các đơn vị được giao tự chủ thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp thống nhất công khai trong đơn vị, đề ra các biện pháp tiết kiệm trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

- Việc sử dụng điện chiếu sáng công cộng cũng được bố trí hợp lý, lắp đặt và điều chỉnh giờ thấp sáng theo từng mùa, đảm bảo phù hợp và tiết kiệm.

- Việc hội họp đã tiết kiệm tối đa nhờ hình thức trực tuyến, tổ chức các ngày lễ kỷ niệm, hội nghị sơ kết, tổng kết đã được lồng ghép đã giảm được số lượng đại biểu, tiết kiệm thời gian.

c) Quản lý sử dụng tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại: Kiểm soát chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Tận dụng, khai thác có hiệu quả tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại hiện có, chỉ đầu tư xây dựng, mua sắm mới khi thực sự cần thiết và bảo đảm đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ. Các loại xe phục vụ cho lãnh đạo đi công tác hội họp trong và ngoài tỉnh đều được bảo quản theo đúng quy định, định kỳ kiểm tra sửa chữa nhằm hạn chế hư hỏng phải thay thế làm thiệt hại đến ngân sách nhà nước. Về các biện pháp tiết kiệm xăng dầu: Thanh toán theo định mức quy định, đồng thời trong công tác quản lý và điều hành xe công luôn đúng mục đích, đối tượng, chức vụ đảm bảo không gây lãng phí tiêu hao nhiên liệu làm thâm hụt ngân sách.

d) Trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng: Thực hiện tiết kiệm từ chủ trương đầu tư; tiến hành rà soát cắt giảm 100% các dự án không nằm trong quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tăng cường công tác quản lý vốn ĐT XD CB theo hướng tập trung chống lãng phí, tập trung thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư phát triển, nhất là đối với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn các chương trình mục tiêu quốc gia. Việc thực hiện kế hoạch vốn phân cấp đúng thẩm quyền theo Chỉ thị 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ. Quản lý và sử dụng trụ sở làm việc, các công trình phúc lợi công cộng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Trong 6 tháng đầu năm 2022, số kinh phí tiết kiệm thẩm tra phê duyệt quyết toán là 85 triệu đồng.

đ) Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên: Công khai minh bạch trong quản lý sử dụng đất đai, công tác quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch đúng quy định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và niêm yết công khai bản đồ quy hoạch cho nhân dân khu vực quy hoạch được biết. Công khai trình tự, thủ tục, thời gian thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.



e) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước: Phát huy hiệu quả cơ chế tự chủ trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

g) Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí: Trong 6 tháng đầu năm 2022 UBND huyện chưa triển khai được cuộc thanh tra tài chính. Dự kiến 6 tháng cuối năm UBND huyện sẽ tiến hành 01 cuộc thanh tra về chống lãng phí.

III. Đánh giá chung.

1. Đánh giá kết quả đạt được:

Tình hình thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn thực hiện của bộ, ngành trung ương và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của tỉnh để xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện; tổ chức thực hiện nghiêm, hiệu quả theo kế hoạch đã xây dựng và đã đạt được những kết quả nhất định.

Các đơn vị ngày càng có ý thức và trách nhiệm hơn trong các hoạt động của mình để từng bước kiểm soát được việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Công tác cải cách hành chính được triển khai thực hiện có nhiều chuyển biến; đã triển khai thực hiện rà soát văn bản pháp quy, thực hiện cải cách các thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thủ tục không gây lãng phí về thời gian và thủ tục; thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, từng bước nâng cao uy tín của chính quyền trong công tác quản lý nhà nước.

Thực hiện tốt các quy định về công khai tài chính đối với các cấp ngân sách để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Về những ưu điểm, tồn tại hạn chế:

Công tác triển khai quán triệt chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí của Đảng và Nhà nước được tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng đến toàn thể cán bộ công chức và trong nhân dân. Triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản, chỉ thị và thực hiện chương trình kế hoạch đã xây dựng hằng năm.

Tuy nhiên việc triển khai Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại một số đơn vị vẫn còn mang tính hình thức. Một số đơn vị có triển khai nhưng chưa thật sự hiệu quả, ý thức tiết kiệm của một số cán bộ, công chức, viên chức chưa cao, công tác thanh kiểm tra có thực hiện nhưng còn hạn chế. Công tác báo cáo kết quả thực hiện THTK, CLP ở một số đơn vị còn chậm trễ, chưa được chú trọng.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần tập trung triển khai thực hiện trong kỳ tiếp theo.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng cho cán bộ, công chức, viên chức về ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thi hành công vụ. Đồng thời kết hợp thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh” nhất là về thực hành tiết kiệm.

Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với tổ chức đảng, các tổ chức đoàn thể, quảng chúng trong địa phương để thường xuyên thực hiện tuyên truyền, quán triệt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí các chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cấp trên và của cơ quan, đơn vị đến tất cả các cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, đơn vị ở địa phương.

Tổ chức triển khai toàn diện công tác THTK, CLP trong phạm vi ngành lĩnh vực địa phương quản lý, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Nâng cao nhận thức, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Triển khai phổ biến pháp luật về THTK, CLP trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các lĩnh vực.

- Đổi mới phân bổ vốn, ưu tiên bố trí các công trình hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

- Thực hiện công khai, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đẩy mạnh việc thực hiện giám sát đầu tư cộng đồng, nhất là tăng cường vai trò của người dân trong việc theo dõi quản lý, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư các công trình xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật THTK, CLP, Nghị định 84/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện công tác THTK, CLP.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi quản lý.

Tiếp tục chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thông qua các buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên đề, các phương tiện thông tin đại chúng...

Chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc công tác tổng hợp báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo định kỳ, đúng thời gian quy định.

V. Những đề xuất, kiến nghị: Không

B. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

(Các phụ lục chi tiết kèm theo).

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2022 của UBND huyện Bù Đốp. 

Nơi nhận: 

- Sở Tài chính;
- HĐND huyện;
- CT, các PCT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Thắc

KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 (Phụ lục số 01)

(Kèm theo Báo cáo số: MM /BC-UBND ngày 18 / 5 /2022 của UBND huyện Bù Đốp)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của kỳ báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với kỳ trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với kỳ trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản	69	61	61	88	100	
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng						

STT	Nội dung	Page 2 of 5 Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của kỳ báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với kỳ trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với kỳ trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	triệu đồng						
	<i>Các nội dung khác</i>							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	884	2.596	2596	294	100	Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	1.238	1.197	1197	97	100	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	148	164	164	111	100	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	62	62	62	100	100	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	8	8	8	100	100	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	140	250	43	31	17	Tiết kiệm so với dự toán
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						

STT	Nội dung	Page 3 of 5 Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của kỳ báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với kỳ trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với kỳ trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						với dự toán được phê duyet
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	140	250	43	31	17	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						

STT	Nội dung	Page 4 of 5 Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của kỳ báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với kỳ trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với kỳ trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						

STT	Nội dung	Page 5 of 5 Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của kỳ báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với kỳ trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với kỳ trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	0	1	0	0	0	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						